

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE
VIỆT NAM (“DFVN”)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (“DFVN-CAF”)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF

Kính gửi: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ DFVN-CAF

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam xin kính trình Đại hội Nhà đầu tư xem xét thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF như sau:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ MỚI	Khoản mục, điều của Điều lệ CŨ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	I. CĂN CỨ PHÁP LÝ Điều lệ này được lập phù hợp với những quy định của Pháp luật sau - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“ Luật Chứng khoán ”);	I. CĂN CỨ PHÁP LÝ Điều lệ này được lập phù hợp với những quy định của pháp luật sau: - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi một số điều	Cập nhật văn bản pháp luật đang có hiệu lực, và bỏ nội dung văn bản pháp luật đã hết hiệu lực và bị thay thế.

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155”); - Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 99”); - Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”); - Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”); - Thông tư số 128/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2018 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào Thị trường Chứng khoán (“Thông tư 128”); và - Các văn bản Pháp luật có liên quan khác bao gồm cả các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn, thay thế các văn bản trên vào từng thời điểm.	- của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 (“Luật Chứng khoán”); - Nghị định số 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 58”); - Nghị định số 60/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2015 bổ sung một số điều của Nghị định 58 (“Nghị định 60”); - Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ (“Thông tư 212”); - Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”); - Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 183 (“Thông tư 15”); - Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”); - Thông tư số 242/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh	
---	---	--

		doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào Thị trường Chứng khoán (“ Thông tư 242 ”); và - Các văn bản pháp luật có liên quan khác bao gồm cả các văn bản pháp lý sửa đổi, hướng dẫn, thay thế các văn bản trên vào từng thời điểm.	
2	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Ngân hàng Giám sát”) “Ngân hàng Giám sát” : Là Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng HSBC”), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do <u>UBCKNN</u> cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ này và các văn bản Pháp luật có liên quan.	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Ngân hàng Giám sát”) “Ngân hàng Giám sát” : Là Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng HSBC”), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/9/2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.	Sửa đổi từ ngữ nhằm làm rõ nghĩa
3	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Bản Cáo bạch”)	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Bản Cáo bạch”) “Bản Cáo bạch” : Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan	Phù hợp với định nghĩa của Điều lệ mẫu Phụ lục I – Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16

	“Bản Cáo bạch”: Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và <u>phát hành</u> Chứng chỉ <u>quỹ</u> của Quỹ.	liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ của Quỹ.	tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“ <i>Thông tư 98/2020/TT-BTC</i> ”)
4	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Giá bán/Giá Phát hành”) “Giá bán/Giá Phát hành”: Là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá Phát hành được quy định tại Điều 17, Điều lệ Quỹ.	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Giá bán/Giá Phát hành”) “Giá bán/Giá Phát hành”: Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá Phát hành được quy định tại Điều 17, Điều lệ Quỹ.	Bổ sung từ ngữ nhằm làm rõ nghĩa
5	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Giá trị Tài sản Ròng”) “Giá trị Tài sản Ròng”: Là tổng giá trị thị trường <u>hoặc giá trị hợp lý</u> (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Giá trị Tài sản Ròng”) “Giá trị Tài sản Ròng”: Là tổng giá trị thị trường các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.	Phù hợp với Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC
6	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Ngày Định giá”) “Ngày Định giá”: Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá trị Tài Sản Ròng của Quỹ <u>được xác định cho mục đích báo cáo</u>.	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Ngày Định giá”) “Ngày Định giá”: Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc mục đích báo cáo khác.	Phù hợp với tình hình thực tế
7	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Ngày Giao dịch”) “Ngày Giao dịch” hay “Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ”: Là <u>ngày</u> mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Ngày Giao dịch”) “Ngày Giao dịch”: Là Ngày Định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ	Phù hợp với Điều 2 Khoản 10 Thông tư 98/2020/TT-BTC
8	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Đại lý Phân phối”) “Đại lý Phân phối”: Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Đại lý Phân phối”) “Đại lý Phân phối”: Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh	Phù hợp với Điều 2 Khoản 3 Thông tư 98/2020/TT-BTC

		ng nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ cho Quỹ DFVN-CAF.	
9	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Đại lý Ký danh”) “Đại lý Ký danh”: Là Đại lý Phân phối <u>đứng tên Tài khoản Ký danh</u>, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại Sở phụ	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Đại lý Ký danh”) “Đại lý Ký danh”: Là Đại lý Phân phối không bao gồm tổ chức kinh tế khác đứng tên chủ sở hữu Tài khoản Ký danh, được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ cho Quỹ DFVN-CAF, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại Sở phụ	Phù hợp với Điều 2 Khoản 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC
10	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Đại lý Chuyển nhượng”) “Đại lý Chuyển nhượng”: Là tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ <u>ủy quyền</u> cung cấp các dịch vụ sau: (i) Lập và quản lý Sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Tài khoản Ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; (ii) Ghi nhận các Lệnh mua, Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính; (iii) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; (iv) <u>Duy trì kênh liên lạc với Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh;</u> (v) <u>Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.</u>	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Đại lý Chuyển nhượng”) “Đại lý Chuyển nhượng”: Là tổ chức cung cấp các dịch vụ sau được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền: (i) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Tài khoản Ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; (ii) Ghi nhận các Lệnh mua, Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính; (iii) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.	Thay đổi trật tự từ ngữ, phù hợp với tình hình thực tế và Điều 2 Khoản 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC
11	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Tài khoản Giao dịch”) “Tài khoản Giao dịch”: Là tài khoản thông qua đó, Nhà đầu tư mua, bán, sở hữu chứng chỉ của một hay nhiều quỹ mở do Công	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Tài khoản Giao dịch”) “Tài khoản Giao dịch”: Là tài khoản của Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, yêu cầu mở tại các	Phù hợp với Điều 2 Khoản 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	ty Quản lý Quỹ quản lý. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở do Đại lý Phân phối phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng mở và quản lý. Tài khoản này có hai loại: a) <i>Tài khoản của Nhà đầu tư</i> là tài khoản thuộc sở hữu của Nhà đầu tư và đứng tên Nhà đầu tư; b) <i>Tài khoản Ký danh</i> là tài khoản thuộc sở hữu của các Nhà đầu tư tại Sở phụ và đứng tên Đại lý Ký danh. Tài khoản này được chia thành các tiểu khoản tách biệt, độc lập, ứng với mỗi Nhà đầu tư tại Sở phụ.	Đại lý Phân phối được chỉ định của Quỹ để thực hiện việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ	
12	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Tài khoản Ký danh”) <i>Bỏ nội dung này</i>	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Tài khoản Ký danh”) “Tài khoản Ký danh”: Là tài khoản thuộc sở hữu của các Nhà đầu tư tại Sở phụ và đứng tên Đại lý Phân phối, do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Tài khoản này được chia thành các tiểu khoản đặc biệt, độc lập, ứng với mỗi Nhà đầu tư tại Sở phụ.	Phù hợp với Điều 2 Khoản 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC tại định nghĩa “ <i>Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở</i> ”
13	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Tiểu khoản Ký danh”) <i>Bỏ nội dung này</i>	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Tiểu khoản Ký danh”) “Tiểu khoản Ký danh”: Là tài khoản của Nhà đầu tư tại Sở phụ của Đại lý Ký danh được chỉ định của Quỹ mở tại Đại lý Chuyển nhượng để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.	Phù hợp với Điều 2 Khoản 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC tại định nghĩa “ <i>Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở</i> ”
14	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA <i>Bổ sung định nghĩa “Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan” như sau</i> “Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”: Là Ngân hàng Lưu ký, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số hoạt	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA <i>Không có định nghĩa “Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”</i>	Phù hợp với Điều 2 Khoản 19 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	động thuộc dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư, dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.		
15	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA <i>Bổ sung định nghĩa “Pháp luật” như sau</i> “Pháp luật”: Là các quy định pháp luật của Việt Nam.	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA <i>Không có định nghĩa “Pháp luật”</i>	Phù hợp với sự tham chiếu đến từ “Pháp luật” tại văn bản Điều lệ Quỹ DFCVN-CAF
16	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”): <i>Bỏ nội dung này</i>	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA (“Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”): “Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”: Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán, theo quy định tại Điều 8.3 (b), (d), (e) và (g) của Điều lệ Quỹ), có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng Giá trị Tài sản của Quỹ.	Thông tư 98/2020/TT-BTC đã bỏ nội dung này tại phân định nghĩa.
17	ĐIỀU 3. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN 3.1 Vốn Điều lệ huy động trong đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng của Quỹ là: 75.121.600.000 VNĐ (Bảy mươi lăm tỷ một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) . Số vốn này được chia thành 7.512.160 (Bảy triệu năm trăm mười hai nghìn một trăm sáu mươi) Đơn vị Quỹ, với mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng). 3.2 Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng dưới hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát. 3.3 <u>Quỹ không giới hạn số lượng Đơn vị Quỹ được phát hành tối đa trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.</u>	ĐIỀU 3. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN 3.1 Vốn Điều lệ huy động trong đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là: 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng). 3.2 Tổng số Đơn vị Quỹ phát hành trong đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng sẽ bằng Vốn Điều lệ chia cho mệnh giá của Đơn vị Quỹ, tối thiểu là 5.000.000 (Năm triệu) Đơn vị Quỹ. 3.3 Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng).	Nội dung cụ thể phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng của Quỹ DFCVN-CAF Phù hợp với định nghĩa của Điều lệ mẫu Phụ lục I Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 4

	3.4 <u>Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.</u>	3.4 Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng dưới hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.	
18	ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ Khoản 8.3 – Các loại tài sản được phép đầu tư a) Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về ngân hàng; b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan; c) <u>Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</u> d) <u>Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</u> e) <u>Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành.</u> Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau: ➢ Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản Cáo bạch; ➢ Có đủ tài liệu chứng minh <u>về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</u>	ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ Khoản 8.3 – Các loại tài sản được phép đầu tư a) Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trường hợp đầu tư vào chứng khoán chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau: ➢ Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro <u>cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ</u>; g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.	➤ Có đủ tài liệu chứng minh việc tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời gian mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch. f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.	
19	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.1 Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau: a) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành; b) Ngoại trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b) của Điều lệ Quỹ này; c) <u>Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b) của Điều lệ Quỹ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ</u> d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b), (d), (e), (f) và (g) của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi <u>các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công</u>	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.1 Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau: a) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành; b) Ngoại trừ tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điều 8.3 (a), (b) của Điều lệ này; c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 (a), (b), (d), (e), (f) và (g) của Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 183;	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC

<u>ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.</u> Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 98; e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ <u>công cụ nợ của Chính phủ</u>; f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (e) của Điều lệ Quỹ này; g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ. <u>Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (b), (d), (e) và (g) của Điều lệ Quỹ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng Giá trị Tài sản của Quỹ</u>; h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; i) Không được đầu tư <u>vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ (DFVN) quản lý</u>; k) <u>Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</u>	d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi; e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ; f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 (e) của Điều lệ này; g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ; h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; i) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.	
--	--	--

	- Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; l) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.		
20	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.2 <u>9.2 Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Điều 9.1 điểm (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (k) của Điều lệ Quỹ này nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</u> a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ; b) Do thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của Pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư; c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thu tóm của các tổ chức phát hành; d) Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.2 9.2 Trừ trường hợp quy định tại Điều 9.1 điểm (h), (i), (j) của Điều lệ này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau: a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ; b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ; c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư; d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành; e) Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 5 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.	động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ; f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.	
21	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.3 9.3 Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều 9.1 của Điều lệ Quỹ này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điều 9.2 điểm (a), (b), (c) và (d) của Điều lệ Quỹ này.	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.3 9.3 Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều 9.1 của Điều lệ Quỹ này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 6, Điều 24 Khoản 6 Thông tư 98/2020/TT-BTC
22	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.4 9.4 Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.4 9.4 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 6, Điều 24 Khoản 7 Thông tư 98/2020/TT-BTC
23	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ <i>Bổ sung Khoản 9.5 như sau:</i> <u>9.5 Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho</u>	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ <i>Không có quy định như cột bên</i>	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 6, Điều 24 Khoản 8 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.		
24	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.6 (sau khi bổ sung Khoản 9.5 như trên thì sẽ trở thành Khoản 9.6) 9.6 Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b) của Điều lệ Quỹ này, <u>tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.</u>	ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ Khoản 9.5 Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại Điều 8.3 (a), (b) của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 7 Thông tư 98/2020/TT-BTC
25	ĐIỀU 10. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, <u>GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI, GIAO DỊCH KÝ QUỸ</u> 10.1 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi ngân hàng theo quy định tại Điều 8.3 (a) của Điều lệ Quỹ này; 10.2 Công ty Quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn <u>theo quy định của Pháp luật về ngân hàng</u> để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện các thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không <u>được</u> quá năm phần trăm (5%) tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày; 10.3 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho	ĐIỀU 10. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ 10.1 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi ngân hàng theo quy định tại Điều 8.3 (a) của Điều lệ Quỹ này; 10.2 Công ty Quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện các thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Khoản 9, Điều 25 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán; 10.4 Quỹ DFCVN-CAF được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.	tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày; 10.3 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; và/hoặc sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán; 10.4 Quỹ DFCVN-CAF được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ	
26	ĐIỀU 12. NHÀ ĐẦU TƯ 12.1 Nhà đầu tư của Quỹ có thể là <u>tổ chức</u>, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu. 12.2 Nhà đầu tư <u>tổ chức</u> bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được Pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư <u>tổ chức</u> cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do Người đại diện <u>có thẩm quyền</u> của Nhà đầu tư tổ chức ký.	ĐIỀU 12. NHÀ ĐẦU TƯ 12.1 Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu. 12.2 Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân ký.	Phù hợp với Điều lệ mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 16
27	ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 13.1 13.1 Nhà đầu tư có các quyền sau: a) Các quyền theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;	ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 13.1 13.1 Nhà đầu tư có các quyền sau:	- Phù hợp với Điều lệ mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 17.1

	b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau; c) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ; e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác); f) Các quyền khác theo quy định Pháp luật và Điều lệ này.	a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ; b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ còn lại; c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có); d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư; e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.	- Phù hợp với quy định tại Điều 16 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC
28	ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ <i>Bổ sung Khoản 13.2, Khoản 13.3 và Khoản 13.4 như sau</i> 13.2 Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây: a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ; b. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau: - Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại	ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ <i>Không có quy định như cột bên</i>	- Phù hợp với Điều lệ mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 17.1 - Phù hợp với Điều 16 Khoản 2, 3, 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC

Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ; - Ban Đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế; - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ; c. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời Nhà đầu tư; d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày khai mạc; và e. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ. 13.3 Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông. 13.4 Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 13.2 và 13.3 của Điều lệ Quỹ này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy Chứng minh Nhân dân hoặc Căn cước Công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính,		
--	--	--

	quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 13.2 điểm (b) của Điều lệ Quỹ này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát.		
29	ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 13.5 13.5 Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau: a) Các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán; b) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư; c) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ theo đúng thời gian quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ; d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này.	ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 13.2 (sau khi bổ sung Khoản trên sẽ thành Khoản 13.5) 13.2 Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau: a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư; b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ theo đúng thời gian quy định và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ; c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này	- Phù hợp với Điều lệ mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 17.1 - Phù hợp với quy định tại Điều 16 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC
30	ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 14.2	ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 14.2	Phù hợp với Điều 15 Khoản 1c Thông tư 98/2020/TT-BTC

14.2 Sổ chính và Sổ phụ phải có đầy đủ các thông tin sau: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ DFVN-CAF; b) Thông tin Nhà đầu tư (i) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số Giấy Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) <u>hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực</u>; địa chỉ liên lạc; (ii) Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, địa chỉ trụ sở chính, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; <u>số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)</u>; c) Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số Tài khoản Ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài); d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; <u>tỷ lệ sở hữu</u>; e) <u>Ngày lập Sổ chính và Sổ phụ</u>; f) Các nội dung khác như quy định của Pháp luật và Đại lý Chuyển nhượng sau khi được sự đồng ý của Công ty Quản lý Quỹ.	14.2 Sổ chính và Sổ phụ phải có đầy đủ các thông tin sau: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ DFVN-CAF; b) Thông tin Nhà đầu tư (i) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) (nếu có); (ii) Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ. c) Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số Tài khoản Ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài); d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính); và e) Các nội dung khác như quy định của Pháp luật và Đại lý Chuyển nhượng sau khi được sự đồng ý của Công ty Quản lý Quỹ.	
---	---	--

31	ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 14.3 14.3 Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Chuyển Nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên Tài khoản Ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.	ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 14.3 14.3 Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Chuyển Nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên Tài khoản Ký danh (trừ Nhà đầu tư giao dịch trên Tài khoản Ký danh nước ngoài). Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.	Phù hợp với Điều 15 Khoản 3 Thông tư 98/2020/TT-BTC
32	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.1 15.1 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ nhưng không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng.	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.1 15.1 Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ nhưng không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng.	Phù hợp với Điều 30 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC
33	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.3 15.3 Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. <u>Trường hợp nhận Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh phải tuân thủ</u>	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.3 15.3 Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.	Phù hợp với Điều 30 Khoản 3 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	quy định Pháp luật về giao dịch điện tử, đồng thời phải đảm bảo theo quy định được công bố tại Bản Cáo bạch.		
34	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.4 15.4 Lệnh mua của Nhà đầu tư phải gửi kèm các tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh. Việc xác nhận hoàn tất thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.4 15.4 Lệnh mua được chấp nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại lý Chuyển nhượng chấp nhận và Nhà đầu tư đã thực hiện việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền đồng Việt Nam. Ngân hàng Giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Chi tiết về Lệnh mua được quy định tại Bản Cáo bạch.	Phù hợp với Điều 31 Khoản 1a) Thông tư 98/2020/TT-BTC
35	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.9 15.9 Phương thức thanh toán: Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ mở đều phải thực hiện bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, từ tài khoản của Nhà đầu tư hoặc Người được Nhà đầu tư ủy quyền hợp lệ. Trường hợp Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh mua được thực hiện bởi Người được ủy quyền thì Phiếu lệnh phải nêu rõ tên, <u>số tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ</u> , số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) và giá trị thanh toán của <u>Nhà đầu tư</u> .	ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 15.9 15.9 Phương thức thanh toán: Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ mở đều phải thực hiện bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, từ tài khoản của Nhà đầu tư hoặc Người được Nhà đầu tư ủy quyền hợp lệ. Trường hợp Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh mua được thực hiện bởi Người được ủy quyền thì Phiếu lệnh phải nêu rõ tên, số tài khoản, số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư được hưởng lợi.	Phù hợp với Điều 31 Khoản 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC

36	ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 16.2 16.2 Trong trường hợp Quỹ chỉ đáp ứng một phần của Lệnh bán, Lệnh chuyển Đổi, Công ty Quản lý Quỹ sẽ áp dụng theo nguyên tắc phân bổ lệnh theo cùng một tỷ lệ (pro-rata) đối với tất cả Nhà đầu tư. Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi được thực hiện theo tỷ lệ giữa tổng giá trị lệnh có thể thực hiện được và tổng giá trị đăng ký giao dịch. Nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư còn lại ít hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản quy định tại Bản Cáo bạch thì Công ty Quản lý Quỹ <u>thay mặt Quỹ</u> tự động mua lại và Nhà đầu tư đồng ý bán toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ còn lại đó vào kỳ giao dịch liền sau theo mức giá và phương thức giao dịch chung; đồng thời nếu xét thấy cần thiết Công ty Quản lý Quỹ được quyền quyết định đóng tài khoản của một Nhà đầu tư bất kỳ sau một (01) năm nếu như không có những hoạt động giao dịch nhằm duy trì số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu. Nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư còn lại nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản quy định tại Bản Cáo bạch thì Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ Quỹ còn lại được tự động hủy bỏ và tài khoản của Nhà đầu tư vẫn được duy trì theo quy định chung	ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 16.2 16.2 Trong trường hợp Quỹ chỉ đáp ứng một phần của Lệnh bán, Lệnh chuyển Đổi, Công ty Quản lý Quỹ sẽ áp dụng theo nguyên tắc phân bổ lệnh theo cùng một tỷ lệ (pro-rata) đối với tất cả Nhà đầu tư. Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi được thực hiện theo tỷ lệ giữa tổng giá trị lệnh có thể thực hiện được và tổng giá trị đăng ký giao dịch. Nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư còn lại ít hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản quy định tại Bản Cáo bạch thì Công ty Quản lý Quỹ tự động mua lại toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ còn lại đó vào kỳ giao dịch liền sau theo mức giá và phương thức giao dịch chung; đồng thời nếu xét thấy cần thiết Công ty Quản lý Quỹ được quyền quyết định đóng tài khoản của một Nhà đầu tư bất kỳ sau một (01) năm nếu như không có những hoạt động giao dịch nhằm duy trì số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu. Nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư còn lại nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản quy định tại Bản Cáo bạch thì Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ Quỹ còn lại được tự động hủy bỏ và tài khoản của Nhà đầu tư vẫn được duy trì theo quy định chung	Nhằm làm rõ nội dung việc Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ tự động mua và thể hiện việc này được Nhà đầu tư đồng ý
37	ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	Phù hợp với Điều 33 Khoản 3 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	Khoản 16.3 16.3 Đối với trường hợp quy định tại Điều 16.1 điểm (a) của Điều lệ Quỹ này nếu Bản Cáo bạch có quy định, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.	Khoản 16.3 16.3 Đối với trường hợp quy định tại Khoản a) Điều 16.1 của Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.	
38	ĐIỀU 19. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ PHI THƯƠNG MẠI Khoản 19.2 19.2 Đối với trường hợp thừa kế, Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.	ĐIỀU 19. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ PHI THƯƠNG MẠI Khoản 19.2 19.2 Đối với trường hợp thừa kế, Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.	Phù hợp với Điều lệ mẫu Phụ lục I Thông tư 98/2020/TT-BTC – Điều 26
39	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.2 20.2 Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Hợp Đại hội	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.2 20.2 Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Hợp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình	Phù hợp với Điều 17 Khoản 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử	thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử	
40	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.3 20.3 Đại hội Nhà đầu tư không được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu thông qua các vấn đề như sau: (i) quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; (ii) <u>thay đổi mức giá dịch vụ</u> trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; (iii) thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và việc <u>chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; giải thể Quỹ</u> (iv) các trường hợp khác theo quy định pháp luật phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.3 20.3 Đại hội Nhà đầu tư không được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu thông qua các vấn đề như sau: (i) quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; (ii) tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; (iii) thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và việc sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ; (iv) các trường hợp khác theo quy định pháp luật phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.	Phù hợp với Điều 18 Khoản 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC
41	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.5 20.5 Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau: a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ <u>năm phần trăm (5%)</u> trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.5 20.5 Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau: a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập Đại hội.	Phù hợp với Điều 17 Khoản 3, Điều 16 Khoản 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC
42	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.6	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 20.6	Phù hợp với Điều 17 Khoản 3 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	20.6 Việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 20.5 Điều lệ này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường.	20.6 Việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 20.5 này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường.	
43	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ <i>Bổ sung Khoản 20.7 như sau</i> 20.7 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 20.6 của Điều lệ Quỹ này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ tiếp tục không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều 20.6 của Điều lệ Quỹ này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ này.	ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ <i>Không có quy định Khoản 20.7</i>	Phù hợp với Điều 17 Khoản 5 Thông tư 98/2020/TT-BTC
44	ĐIỀU 21. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 21.1 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; 21.2 Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; <u>thay đổi</u> mức <u>giá dịch vụ</u> trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; 21.3 <u>Chia, tách, sáp nhập</u>, hợp nhất, giải thể Quỹ; 21.4 Phương án phân phối lợi nhuận;	ĐIỀU 21. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 21.1 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát, phương án phân phối lợi nhuận; 21.2 Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; 21.3 Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;	Phù hợp với Điều 17 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	21.5 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; 21.6 Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; 21.7 Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, <u>báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ</u>; 21.8 <u>Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ</u>; 21.9 <u>Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư</u>; 21.10 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định <u>Pháp luật về chứng khoán</u> và tại Điều lệ Quỹ này.	21.4 Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tách Quỹ; 21.5 Giải thể quỹ; 21.6 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; 21.7 Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; 21.8 Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ; 21.9 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ này.	
45	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.1 22.1 Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo công khai về thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư cho các Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít <u>nhất bảy (07) ngày làm việc</u> trước khi <u>diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư về nội dung họp</u> và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.1 22.1 Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo công khai về thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư cho các Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.	Phù hợp với Điều 17 Khoản 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC
46	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.2	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.2	Phù hợp với Điều 18 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC;

	22.2 Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác, cụ thể như sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác <u>bao gồm nhưng không giới hạn thành viên Ban Đại diện Quỹ, Đại lý Phân phối</u> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; <u>việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội Nhà đầu tư phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty Quản lý Quỹ phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;</u> c) <u>Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác)</u> hoặc; tham gia họp trực tuyến thông qua điện thoại, Internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe nhìn khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.	22.2 Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác, cụ thể như sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham gia họp trực tuyến thông qua điện thoại, Internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe nhìn khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.	đồng thời nhằm làm rõ nội dung.
47	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.3 22.3 Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho <u>trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.</u>	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.3 22.3 Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.	Phù hợp với Điều 18 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC
48	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.5	ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 22.5	Pháp luật không có quy định nội dung này

	22.5 Thể thức, hình thức hợp Đại hội Nhà đầu tư thực hiện phù hợp với các quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.	Thể thức, hình thức hợp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.	
49	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.1 23.1 Mỗi Chứng chỉ Quỹ có một quyền biểu quyết <u>tương ứng một phiếu biểu quyết</u> . Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết, trừ trường hợp các đơn vị này đồng thời là Nhà đầu tư hợp lệ của Quỹ	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.1 23.1 Mỗi Chứng chỉ Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết, trừ trường hợp các đơn vị này đồng thời là Nhà đầu tư hợp lệ của Quỹ.	Phù hợp với Thông tư 98/2020/TT-BTC và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
50	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.3 23.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản như đề cập tại <u>Điều 23.2</u> của Điều lệ Quỹ này được quy định như sau: a) Công ty Quản lý Quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nhà đầu tư, <u>trừ trường hợp quy định tại Điều 20.3 Điều lệ Quỹ này</u> . b) Công ty Quản lý Quỹ phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng thư điện tử hoặc phương	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.3 23.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản như đề cập tại Điều 20.2 của Điều lệ này được quy định như sau: a) Công ty Quản lý Quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nhà đầu tư. b) Công ty Quản lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được	-Nội dung Phiếu lấy ý kiến: phù hợp với quy định tại Điều 149 Khoản 3 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 -Việc gửi Phiếu lấy ý kiến: phù hợp với quy định tại Điều 149 Khoản 4 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 -Nội dung Biên bản kiểm phiếu: phù hợp với quy định tại Điều 149 Khoản 5 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 - Còn lại là sự phù hợp hơn với bản chất sự việc.

thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng Nhà đầu tư. c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ; (ii) Mục đích lấy ý kiến; (iii) Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, số Giấy Chứng minh Nhân dân/Thẻ căn cước Công dân, Hộ chiếu của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý</u>, của Nhà đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số Giấy Chứng minh Nhân dân/Thẻ căn cước Công dân, Hộ chiếu của cá nhân</u> Người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức, số lượng Chứng chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư; (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định và phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và <u>không có ý kiến</u>; (v) Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; (vi) Họ và tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ. d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền hợp pháp của Nhà đầu tư là tổ chức, <u>được gửi theo hình thức gửi thư trực tiếp, thư bảo đảm, thư điện tử, fax hoặc hình thức trực tuyến theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ</u>.	gửi bằng thư điện tử hoặc phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng Nhà đầu tư. c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ; (ii) Mục đích lấy ý kiến; (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh Nhân dân/Thẻ căn cước Công dân, Hộ chiếu của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, nơi thành lập, số quyết định thành lập của Nhà đầu tư là tổ chức và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch của Người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức, số lượng Chứng chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư; (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định và phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và bỏ phiếu trống; (v) Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; (vi) Họ và tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ. d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền hợp pháp của Nhà đầu tư là tổ chức.	
---	--	--

- <u>Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ phải đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</u> - <u>Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u> - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ sau thời hạn quy định <u>đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</u> Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. e) Công ty Quản lý Quỹ phải thành lập ban kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự kiểm soát của <u>ban giám sát kiểm phiếu</u> bao gồm Ngân hàng Giám sát và <u>Thành viên Ban Đại diện Quỹ</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ; (ii) Ngày, giờ tiến hành kiểm phiếu, địa điểm kiểm phiếu; (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; (iv) Số lượng Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết; (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành <u>và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</u>	e) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ phải đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ sau thời hạn quy định hoặc không được niêm phong đều không hợp lệ. f) Công ty Quản lý Quỹ phải thành lập ban kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ; (ii) Ngày, giờ tiến hành kiểm phiếu, địa điểm kiểm phiếu; (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; (iv) Số lượng Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết; (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề; (vi) Các quyết định đã được thông qua; (vii) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ.	
--	---	--

	(vi) <u>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u> (vii) <u>Họ và tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</u> f) Ban kiểm phiếu và ban giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.	g) Các thành viên Ban Đại diện Quỹ và ban kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.	
51	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.4 23.4 Trừ trường hợp quy định tại Điều 23.5 của Điều lệ Quỹ này, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua <u>tại cuộc họp</u> khi được số Nhà đầu tư đại diện <u>trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.4 23.4 Trừ trường hợp quy định tại Điều 23.5 của Điều lệ này, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.	Phù hợp với Điều 18 Khoản 5 Thông tư 98/2020/TT-BTC
52	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.5 23.5 Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung được quy định tại Điều 21.2, 21.3 của Điều lệ Quỹ này <u>phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư</u>. Trong	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.5 23.5 Đối với các nội dung được quy định tại Điều 21.2, 21.3 của Điều lệ Quỹ này, Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện cho	Phù hợp với Điều 18 Khoản 4 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	trường hợp này, quyết định <u>tại cuộc họp</u> được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện <u>trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.	ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.	
53	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.6 23.6 Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện <u>trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.6 23.6 Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư biểu quyết tán thành.	Phù hợp với Điều 18 Khoản 7 Thông tư 98/2020/TT-BTC
54	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.7 23.7 Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Quỹ. <u>Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.</u>	ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 23.7 23.7 Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.	Phù hợp với Điều 18 Khoản 8 Thông tư 98/2020/TT-BTC
55	ĐIỀU 24. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 24.2 24.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho	ĐIỀU 24. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 24.2 24.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc	Phù hợp với Điều lệ mẫu Phụ lục I Thông tư 98/2020/TT-BTC – Điều 31 Khoản 2

	Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 24.1 của Điều lệ Quỹ này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ <u>tại kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư</u> và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Quỹ.	chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 24.1 của Điều lệ Quỹ này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi quỹ.	
56	ĐIỀU 25. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 25.2 25.2 Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là <u>năm (05) năm</u> . Các thành viên Ban Đại diện Quỹ được tái bổ nhiệm mà không giới hạn số lần bổ nhiệm.	ĐIỀU 25. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 25.2 25.2 Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là <u>ba (03) năm</u> . Các thành viên Ban Đại diện Quỹ được tái bổ nhiệm mà không giới hạn số lần bổ nhiệm.	Đề xuất tăng thời gian nhiệm kỳ và vẫn phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu – Phụ lục I Thông tư 98/2020/TT-BTC Điều 33 Khoản 1
57	ĐIỀU 25. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 25.3 25.3 Trong Ban Đại diện Quỹ phải có: a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.	ĐIỀU 25. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 25.3 25.3 Trong Ban Đại diện Quỹ phải có: a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.	Phù hợp với Điều 19 Khoản 5 Thông tư 98/2020/TT-BTC
58	ĐIỀU 26. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	ĐIỀU 26. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	Phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu – Phụ lục I Thông tư

	<i>Bổ sung Khoản 26.4 như sau</i> 26.4 Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện Quỹ: - Các trường hợp thực hiện theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị; - Là thành viên của trên năm (05) Ban Đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.	<i>Không có quy định Khoản 26.4</i>	98/2020/TT-BTC Điều 33 Khoản 2
59	ĐIỀU 27. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 27.1 Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư. 27.2 Phê duyệt sổ tay định giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức báo giá, các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 9.6 Điều lệ Quỹ này. 27.3 Chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận theo quy định của Pháp luật. 27.4 Quyết định mức lợi nhuận phân phối <u>theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận</u>; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của Pháp luật. 27.5 Nếu được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định từ Điều 21.2 đến Điều 21.10 của Điều lệ Quỹ này. <u>Trong trường hợp này, Công ty</u>	ĐIỀU 27. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 27.1 Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư. 27.2 Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều 8.3 (a), (b), (e) của Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch. 27.3 Phê duyệt chính sách định giá và các thay đổi trong chính sách định giá của Quỹ.	- Phù hợp với quy định tại Điều 19 Khoản 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC

<u>Quản lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban Đại diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.</u> 27.6 Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát. 27.7 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. 27.8 Tham dự các phiên họp Ban Đại diện Quỹ và thảo luận (trực tiếp hay qua văn bản hoặc thư điện tử) để quyết định về các nội dung trong phiên họp. 27.9 Tham gia miễn nhiệm, bãi miễn, bầu các chức danh trong Ban Đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền Ban Đại diện Quỹ theo Điều 25.4 của Điều lệ Quỹ này. 27.10 Ban Đại diện Quỹ có nghĩa vụ bảo mật các thông tin, không được phép phổ biến cũng như các thông tin của Nhà đầu tư cho bất kỳ ai. 27.11 Thành viên Ban Đại diện Quỹ được hưởng mức thù lao hàng quý. Mức thù lao do Công ty Quản lý Quỹ đề trình và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.	27.4 Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật. 27.5 Nếu được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định từ Điều 21.2 đến Điều 21.9 của Điều lệ Quỹ. 27.6 Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát. 27.7 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. 27.8 Tham dự các phiên họp Ban Đại diện Quỹ và thảo luận (trực tiếp hay qua văn bản hoặc thư điện tử) để quyết định về các nội dung trong phiên họp.	
--	--	--

		27.9 Tham gia miễn nhiệm, bãi miễn, bầu các chức danh trong Ban Đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền Ban Đại diện Quỹ theo Điều 25.4 của Điều lệ Quỹ. 27.10 Ban Đại diện Quỹ có nghĩa vụ bảo mật các thông tin không được phép phổ biến cũng như các thông tin của Nhà đầu tư cho bất kỳ ai. 27.11 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Điều 21.2 đến Điều 21.5 của Điều lệ Quỹ này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi UBCKNN, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. 27.12 Thành viên Ban Đại diện Quỹ được hưởng mức thù lao hàng quý. Mức thù lao do Công ty Quản lý Quỹ đề trình và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.	
60	ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;	ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;	Phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu – Phụ lục I Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 36 Khoản 1

	d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.	c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ.	
61	ĐIỀU 30. ĐÌNH CHỈ VÀ BÃI MIỄN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 30.1 (d) 30.1 Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau: d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ. <u>Việc từ chức của thành viên Ban Đại diện Quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về việc miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ đó.</u>	ĐIỀU 30. ĐÌNH CHỈ VÀ BÃI MIỄN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 30.1 (d) 30.1 Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau: d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.	Quy định rõ nội dung này để phù hợp với thực tế có thể xảy ra
62	ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 31.2 và Khoản 31.4 31.2 Cuộc Họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, Internet và các phương tiện nghe nhìn khác hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. <u>Quyết định của Ban Đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.</u> <i>Bỏ nội dung tại Khoản 31.4 Điều lệ cũ</i>	ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 31.2 và Khoản 31.4 31.2 Cuộc Họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, Internet và các phương tiện nghe nhìn khác hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 31.4 Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua	Phù hợp với Điều 19 Khoản 10 Thông tư 98/2020/TT-BTC
63	ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ <i>Bổ sung Khoản 31.4 như sau:</i>	ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ <i>Không có quy định nội dung như cột bên</i>	Đảm bảo tính độc lập đối với quyết định của Ban Đại diện Quỹ

	31.4 Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp Ban Đại diện Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.		
64	ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 31.5 31.5 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.</u>	ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ Khoản 31.5 31.5 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.	Phù hợp với Điều 19 Khoản 12 Thông tư 98/2020/TT-BTC
65	ĐIỀU 33. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ Khoản 33.1 33.1 Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ a) Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ và Nhà đầu tư. b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện giao dịch với các bên liên quan đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải:	ĐIỀU 33. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ Khoản 33.1 33.1 Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ và Nhà đầu tư. b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện giao dịch với các bên liên quan đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.	Phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 99/2020/TT-BTC”)

i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng Giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát; ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi, <u>chứng chỉ tiền gửi</u> cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các <u>tổ chức tín dụng</u> trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quỹ cho Ngân hàng Giám sát để tổ chức này đối soát <u>số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi</u> với các <u>tổ chức tín dụng</u> nhận tiền gửi. iii. Trường hợp đầu tư <u>phần góp vốn</u> tại <u>công ty trách nhiệm hữu hạn</u>; cổ phiếu chưa niêm yết, <u>chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết</u> cho Quỹ; Công ty Quản lý Quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc <u>bản sao hợp lệ</u> các <u>hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch</u>, hoặc <u>bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên</u>, hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư; iv. Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;	c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải: i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng Giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát; ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quỹ cho Ngân hàng Giám sát để tổ chức này định kỳ đối soát với các ngân hàng nhận tiền gửi. iii. Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công ty Quản lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư; iv. Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ,	
---	--	--

v. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty Quản lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát với các tổ chức phát hành, <u>Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam</u>, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ; vi. Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ; vii. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải <u>có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ</u>, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo bạch. d) Công ty Quản lý Quỹ phải <u>ban hành</u> quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty Quản lý Quỹ. <u>Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo</u>	chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó; v. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty Quản lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ; vi. Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ; vii. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo bạch. d) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách	
--	---	--

<u>đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát và được áp dụng thống nhất.</u> e) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm: i. Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ; ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư. f) Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ. g) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Giám sát để Ngân hàng Giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng Giám sát. h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm	hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng Giám sát và được áp dụng thống nhất. e) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm: i. Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ; ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư. f) Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ. g) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Giám sát để Ngân hàng Giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng Giám sát.	
---	---	--

quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ. i) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ Quỹ. j) <u>Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của Công ty, các loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN.</u> k) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý Quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan. l) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận kinh doanh chứng khoán (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập Quỹ phòng ngừa rủi ro	h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ. i) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ Quỹ. j) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp. k) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc
---	---

ng nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điều 33.1 (k) của Điều lệ Quỹ này. m) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý Phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán. <u>Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp theo quy định và điều kiện của Pháp luật.</u> n) Tùy thuộc vào quy định của Pháp luật, nếu trong trường hợp Quỹ là Nhà đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định Pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư. o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định Pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm: i. Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi	lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý Quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan. l) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điều 33.1 (k) của Điều lệ này. m) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý Phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán. n) Trường hợp Quỹ là Nhà đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư. o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài,	
--	--	--

phần trăm (50%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ; và ii. Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ. iii. <u>Quy định này tại điểm này không áp dụng đối với Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà Quỹ được thành lập; Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ đồng.</u> q) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. r) Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm: i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và <u>bảo mật</u>, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ; ii. Tách biệt về <u>cơ sở vật chất, nhân sự</u>, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy	chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm: i. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và ii. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ. q) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. r) Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm: i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty Quản lý	
---	--	--

	thác, bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ. iii. <u>Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.</u> s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.	Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ; ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác, bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ. s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.	
66	ĐIỀU 35. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 35.1 Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan <u>hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay</u> với Ngân hàng Giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ, mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.	ĐIỀU 35. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 35.1 Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ, mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.	-Phù hợp với quy định tại Điều 11 Thông tư 99/2020/TT-BTC -Bỏ câu “Trong trường hợp này lệnh của những người này sẽ được thực hiện sau lệnh của Nhà đầu tư” phù hợp với hệ thống Đại lý Chuyển nhượng đang vận hành.

35.2 Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý Phân phối như một Nhà đầu tư thông thường. 35.3 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số Tài khoản Giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở Tài khoản Giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu. 35.4 Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại <u>Giá dịch vụ</u> đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ. 35.5 Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện những nội dung sau: a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ; b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư khác do mình quản lý; c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban	35.2 Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý Phân phối như một Nhà đầu tư thông thường. Trong trường hợp này lệnh của những người này sẽ được thực hiện sau lệnh của Nhà đầu tư. 35.3 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số Tài khoản Giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở Tài khoản Giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu. 35.4 Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ. 35.5 Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện những nội dung sau: a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;	
--	--	--

điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều lệ; d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác; e) <u>Chỉ sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của Quỹ, vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;</u> f) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với Quỹ về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm Quỹ không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của công ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; g) <u>Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ, một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một quỹ, khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho Quỹ.</u> g) Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các Quỹ để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên <u>số cổ phiếu có quyền biểu</u>	b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác khác do mình quản lý; c) Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào Quỹ do mình quản lý. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện giao dịch trên.; d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều lệ; e) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; và f) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị	
--	--	--

<u>quyết</u> của một công ty đại chúng, <u>chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành</u> của một quỹ đóng khi đảm bảo: (i) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; (ii) Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán. h) Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác. 35.6 Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ như quy định tại Điều 9 của Điều lệ Quỹ này.	trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của chính Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng. g) Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các Quỹ để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; (ii) Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán. h) Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp	
--	--	--

		dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác. 35.6 Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ như quy định tại Điều 9 của Điều lệ Quỹ.	
67	ĐIỀU 36. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 36.1 Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 của Luật Chứng khoán. 36.2 Ngân hàng Giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà Ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. 36.3 Nếu phát sinh các trường hợp khiến cho Ngân hàng Giám sát không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 117 Luật Chứng khoán và Khoản 1, Khoản 2 Điều này, trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh, Ngân hàng Giám sát phải thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN. 36.4 Ngân hàng Giám sát phải có tối thiểu hai (02) nhân viên nghiệp vụ có các chứng chỉ theo quy định của Pháp luật về giám sát cho hoạt động của quỹ mở.	ĐIỀU 36. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 36.1 Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 98.1 của Luật Chứng khoán. 36.2 Ngân hàng Giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn và đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ. 36.3 Ngân hàng Giám sát phải có tối thiểu hai (02) nhân viên nghiệp vụ có các chứng chỉ theo quy định của pháp luật về giám sát cho hoạt động của quỹ mở. 36.4 Thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ. Ngân hàng Giám sát chỉ được là đối tác mua, bán trong giao dịch ngoại hối, hoặc các giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.	Phù hợp với quy định tại Điều 73 Thông tư 98/2020/TT-BTC

68	ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Khoản 37.2 <i>bổ sung điểm c như sau</i> c) Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và quy định tại hợp đồng Giám sát.	ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Khoản 37.2 <i>không có quy định điểm c như cột bên</i>	Làm rõ nội dung các quyền khác của Ngân hàng Giám sát
69	ĐIỀU 38. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Khoản 38.1, Khoản 38.2, Khoản 38.3, Khoản 38.4, Khoản 38.5 38.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải: a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ; b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, <u>kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ Quỹ</u>, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan bảo đảm phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và quy định	ĐIỀU 38. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Khoản 38.1, Khoản 38.2, Khoản 38.3, Khoản 38.4, Khoản 38.5 38.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải: a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ; b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài	Phù hợp với quy định tại Điều 75 Thông tư 98/2020/TT-BTC

Pháp luật có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định; c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, <u>kiểm tra</u> kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể và thanh lý tài sản Quỹ; d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ; e) Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại <u>Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ</u>; f) Xác nhận các báo cáo về Giá trị Tài sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập. 38.2 Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN. 38.3 <u>Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy</u>	sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định; c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ; d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ. 38.2 Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN. 38.3 Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp
---	--

	đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. 38.4 Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan: thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ. 38.5 Ngân hàng Giám sát có cơ chế phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ trong việc rà soát hoạt động của Đại lý Chuyển nhượng thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên, trong đó bảo đảm trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ theo quy định của Pháp luật.	thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ. 38.4 Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. 38.5 Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi Công ty Kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Điều 38.4 này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.	
70	ĐIỀU 39. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Khoản 39.2	ĐIỀU 39. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Khoản 39.2	Phù hợp với Điều 63.3 Điều lệ Quỹ DFCVN-CAF.

	39.2 Trong các trường hợp quy định tại Điều 39.1 Điều lệ Quỹ này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát khác phù hợp với thủ tục thay đổi Ngân hàng Giám sát theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Ngân hàng Giám sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho ngân hàng thay thế <u>hoặc Quỹ bị giải thể theo quy định tại Điều 63 của Điều lệ Quỹ này.</u>	39.2 Trong các trường hợp quy định tại Điều 39.1 này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát khác phù hợp với thủ tục thay đổi Ngân hàng Giám sát theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Ngân hàng Giám sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho ngân hàng thay thế	
71	ĐIỀU 40. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN Khoản 40.2 a - Các hoạt động được ủy quyền a) Hoạt động Đại lý Chuyển nhượng: i. Lập và quản lý sổ chính, danh sách Nhà đầu tư, thực hiện mở Tài khoản Giao dịch Chứng chỉ Quỹ mới cho Nhà đầu tư, theo dõi, cập nhật và quản lý Tài khoản Giao dịch của Nhà đầu tư cũng như các Tài khoản Ký danh; ii. Thực hiện việc xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; iii. Ghi nhận các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Lệnh mua, bán, chuyển đổi), chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cũng như quản lý dòng tiền liên quan đến các giao dịch của Nhà đầu tư; iv. Cung cấp sao kê tài khoản Nhà đầu tư cũng như sao kê giao dịch Chứng chỉ Quỹ cũng như các tài liệu khác có liên quan; v. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; vi. <u>Duy trì kênh liên lạc với Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh;</u> vii. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ. b) Hoạt động Quản trị Quỹ đầu tư:	ĐIỀU 40. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN Khoản 40.2 a - Các hoạt động được ủy quyền a) Hoạt động Đại lý Chuyển nhượng: i. Lập và quản lý sổ chính, danh sách Nhà đầu tư, thực hiện mở Tài khoản Giao dịch Chứng chỉ Quỹ mới cho Nhà đầu tư, theo dõi, cập nhật và quản lý Tài khoản Giao dịch của Nhà đầu tư cũng như các Tài khoản Ký danh; ii. Thực hiện việc xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; iii. Ghi nhận các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Lệnh mua, bán, chuyển đổi), chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cũng như quản lý dòng tiền liên quan đến các giao dịch của Nhà đầu tư; iv. Cung cấp sao kê tài khoản Nhà đầu tư cũng như sao kê giao dịch Chứng chỉ Quỹ cũng như các tài liệu khác có liên quan;	Phù hợp với tình hình thực tế

	i. Hoạt động kế toán Quỹ bao gồm ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ, ghi nhận kế toán các biến động dòng tiền của Quỹ cho mục đích xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; ii. Lập báo cáo tài chính của Quỹ, hỗ trợ và phối hợp với tổ chức kiểm toán khi tổ chức này thực hiện hoạt động kiểm toán cho Quỹ; iii. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ; iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.	v. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; vi. Duy trì kênh liên lạc với Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; vii. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ. b) Hoạt động Quản trị Quỹ đầu tư: i. Hoạt động kế toán Quỹ bao gồm ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ, ghi nhận kế toán các biến động dòng tiền của Quỹ cho mục đích xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; ii. Lập báo cáo tài chính của Quỹ, hỗ trợ và phối hợp với tổ chức kiểm toán khi tổ chức này thực hiện hoạt động kiểm toán cho Quỹ; iii. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ; iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.	
72	ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN Khoản 42.2 b	ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN Khoản 42.2 b	Phù hợp với quy định tại Điều 12 Khoản 2 (b) Thông tư 99/2020/TT-BTC

	42.2 Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm <u>để thực hiện hoạt động được ủy quyền</u>, được cấp phép hoặc đăng ký cho hoạt động ủy quyền theo quy định của Pháp luật có liên quan;	42.2 Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký cho hoạt động ủy quyền theo quy định của pháp luật có liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;	
73	ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN 43.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ. 43.2 Trước khi ký kết Hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định <u>và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất</u>, bảo đảm bên nhận ủy quyền có trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, <u>quy trình nghiệp vụ</u>, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp <u>để thực hiện hoạt động ủy quyền</u>. 43.4 <u>Thường xuyên</u> kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của <u>Công ty Quản lý Quỹ</u> và Quỹ.	ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN 43.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ. 43.2 Trước khi ký kết Hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.	Phù hợp với quy định tại Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC

43.4 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền. 43.5 Xây dựng, có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền. 43.6 <u>Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.</u> 43.7 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền. 43.8 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.	43.3 Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. 43.4 Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này. 43.5 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền. 43.6 Xây dựng, có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền. 43.7 Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư. 43.8 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.	
---	---	--

		43.9 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.	
74	ĐIỀU 44. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN Khoản 44.1 44.1 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Hợp đồng ủy quyền hết thời hạn hoặc hết hiệu lực <u>hoặc Công ty Quản lý Quỹ và Bên nhận ủy quyền thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng ủy quyền</u> ; b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản; c) Tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn các quy định tại Điều 41 của Điều lệ Quỹ này và theo đề nghị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ; d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.	ĐIỀU 44. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN Khoản 44.1 44.1 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Hợp đồng ủy quyền hết thời hạn hoặc hết hiệu lực; b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản; c) Tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn các quy định tại Điều 41 của Điều lệ Quỹ này và theo đề nghị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ; d) Ngân hàng Giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Điều 51.2 của Luật Chứng khoán; và e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Làm rõ nội dung thực tế có thể phát sinh và phù hợp với tình hình thực tế.
75	ĐIỀU 45. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ Khoản 45.3 45.3 Đại lý Phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được: a) Làm Đại lý Ký danh; b) Đồng thời làm Đại lý Phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý Phân phối	ĐIỀU 45. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ Khoản 45.3 45.3 Đại lý Phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được: a) Làm Đại lý Ký danh; b) Đồng thời làm Đại lý Phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của	Phù hợp với Điều 76 Khoản 3 Thông tư 98/2020/TT-BTC

		Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý Phân phối.	
76	ĐIỀU 46. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH <i>Khoản 46.3.2 bổ sung điểm d như sau</i> d. Đại lý Ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Ngân hàng Giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đại lý Ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.	ĐIỀU 46. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH <i>Không có quy định</i>	Phù hợp với Điều 77 Khoản 3d Thông tư 98/2020/TT-BTC
77	ĐIỀU 47. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 47.2, Khoản 47.6 và Khoản 47.7 47.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, <u>giá dịch vụ</u> và các chi phí khác, cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ. 47.6 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ	ĐIỀU 47. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 47.2, Khoản 47.6 và Khoản 47.7 47.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác, cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ. 47.6 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ	Phù hợp với Điều 78 Khoản 2, Điều 78 Khoản 7 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức <u>giá dịch vụ</u> đã được công bố tại các Bản Cáo bạch và tại các Hợp đồng Phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ. 47.7 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm <u>phân phối</u> chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.	hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản Cáo bạch và tại các Hợp đồng Phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ. 47.7 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư	
78	ĐIỀU 51. BÁO CÁO TÀI CHÍNH Khoản 51.1 51.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính <u>định kỳ</u> về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ.	ĐIỀU 51. BÁO CÁO TÀI CHÍNH Khoản 51.1 51.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ.	Phù hợp với Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC
79	ĐIỀU 53. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG 53.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.	ĐIỀU 53. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG 53.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp	Phù hợp với Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC

53.2 Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng Sổ tay Định giá bao gồm những nội dung sau: (i) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, tổ chức cung cấp báo giá, Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát; (ii) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của Quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Quỹ. 53.3 Sổ tay Định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, phải được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng. 53.4 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định định kỳ hàng tuần vào Ngày Định giá. Ngày Định giá tuần sẽ là Thứ Ba hàng tuần. Nếu Ngày Định giá tuần rơi vào ngày nghỉ của Thị trường Chứng khoán Việt Nam, hoặc ngày tạm ngừng giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trường hợp này tùy thuộc vào sự quyết định của Công ty Quản lý Quỹ) thì Ngày Định giá tuần của Quỹ sẽ được chuyển sang Thứ ba (ngày làm việc) của tuần tiếp theo. Quỹ thực hiện định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho mục đích thực hiện các báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. 53.5 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác	ly (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. 53.2 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định định kỳ hàng tuần vào Ngày Định giá. Ngày Định giá tuần sẽ là Thứ Ba hàng tuần. Nếu Ngày Định giá tuần rơi vào ngày nghỉ của Thị trường Chứng khoán Việt Nam, hoặc ngày tạm ngừng giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trường hợp này tùy thuộc vào sự quyết định của Công ty Quản lý Quỹ) thì Ngày Định giá tuần của Quỹ sẽ được chuyển sang Thứ ba (ngày làm việc) của tuần tiếp theo. 53.3 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ. 53.4 Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh và các phương tiện thông	
--	--	--

nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. 53.6 Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ Quỹ, Sổ tay Định giá và các quy định của Pháp luật. 53.7 Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản Ròng. 53.8 Thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá trị Tài sản Ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận. 53.9 Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ đồng, Công	tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán. 53.5 Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng là phù hợp các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác.	
--	---	--

	ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. 53.10 <u>Tại ngày làm việc tiếp theo</u> của Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.		
80	ĐIỀU 54. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ Khoản 54.1 54.1 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 54.3 Điều lệ Quỹ này và quy định nội bộ tại Sổ tay Định giá hoặc được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.	ĐIỀU 54. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ Khoản 54.1 54.1 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại Ngày Giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản	Phù hợp với quy định tại Điều 20 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC
81	ĐIỀU 54. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ Khoản 54.3.1 Giá trị tài sản	ĐIỀU 54. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ Khoản 54.3.1 Giá trị tài sản	Phù hợp với Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định giá
5	Đối với các công cụ	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định giá.
4	Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại

		không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.		công cụ không trả lãi khác	Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.	
		Trái phiếu			Trái phiếu		
	6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: - o Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - o Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc	5	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: - o Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - o Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - o Giá xác định theo phương pháp được	

		- o Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ Tay Định Giá và phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.			Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ Tay Định Giá và phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	
7	Trái phiếu không niên yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định giá; hoặc - o Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - o Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - o Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận	6	Trái phiếu không niên yết	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	
Cổ phiếu			Cổ phiếu			
			7	Cổ phiếu niên yết trên	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của	

	8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: - o Giá trị sổ sách; hoặc - o Giá mua; hoặc - o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.		Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: - o Giá trị sổ sách; - o Giá mua; - o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	
	9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: - o Giá trị sổ sách; hoặc - o Mệnh giá; hoặc - o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.				
	10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: o 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng				
	8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá như sau:				

		cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.			○ Giá trị sổ sách; ○ Giá mua; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.	9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Giá mua; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	
Chứng khoán phái sinh			10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực	
12	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.				
13	Chứng khoán phái	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.				

		sinh niên yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá			ký nhưng chưa niên yết, chưa đăng ký giao dịch	hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	
	Các tài sản khác						
	14	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày Giao dịch gần nhất - trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.				
Ghi chú: - Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định giá; - Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.							
	11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niên yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Mệnh giá; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.				
	12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: ○ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; hoặc				

	- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành. - Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo; - Tại phần này, ngày được hiểu là ngày theo lịch.			o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.		
			13	Cổ phần, phần vốn góp khác		Giá được xác định là một trong các mức giá sau: - o Giá trị sổ sách; hoặc - o Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
			Chứng khoán phái sinh			
			14	Chứng khoán phái sinh niêm yết		Giá đóng cửa tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.
			15	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch		Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

		<table><tr><td></td><td>trong vòng 2 tuần trở lên</td><td></td></tr><tr><td colspan="3">Các tài sản khác</td></tr><tr><td>16</td><td>Các tài sản được phép đầu tư khác</td><td>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận</td></tr></table>		trong vòng 2 tuần trở lên		Các tài sản khác			16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận	
	trong vòng 2 tuần trở lên											
Các tài sản khác												
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận										
82	ĐIỀU 55. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ Khoản 55.1 55.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với <u>mức sai lệch</u> đạt từ một phần trăm (1,00%) Giá trị Tài sản Ròng trở lên hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của Pháp luật tùy từng thời điểm.	ĐIỀU 55. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ Khoản 55.1 55.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn đạt từ một phần trăm (1,00%) Giá trị Tài sản Ròng trở lên hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.	Phù hợp với Điều 36 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC									
83	ĐIỀU 55. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ Khoản 55.4 55.4 Quỹ sẽ không thực hiện đền bù cho các Nhà đầu tư có mức đền bù ít hơn một trăm nghìn (100.000) VNĐ/Nhà đầu tư và toàn bộ phần thanh toán cho Nhà đầu tư sẽ được hạch toán vào Quỹ trừ trường hợp <u>Đại hội Nhà đầu tư</u> có quyết định khác.	ĐIỀU 55. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ Khoản 55.4 55.4 Quỹ sẽ không thực hiện đền bù cho các Nhà đầu tư có mức đền bù ít hơn một trăm nghìn (100.000) VNĐ/Nhà đầu tư và toàn bộ phần thanh toán cho Nhà	Phù hợp với Điều 36 Khoản 2b Thông tư 98/2020/TT-BTC									

		đầu tư sẽ được hạch toán vào Quỹ trừ trường hợp Ban Đại diện Quỹ có quyết định khác.	
84	ĐIỀU 58. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ 58.1 Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và trình Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Quỹ 58.2 Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc: a) Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật; b) Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; d) Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét. 58.3 Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy	ĐIỀU 58. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ 58.1 Quỹ sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn sau đây và với các điều kiện sau đây: a) Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định; b) Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động; c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm); d) Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ; e) Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.	Phù hợp với Điều 37 Khoản 1 và Điều 7 Khoản 1 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	quyền cho Ban Đại diện Quỹ) và được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch. Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ. 58.4 Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư. 58.5 Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.	58.2 Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư. 58.3 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau: a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ); b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận; c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ); d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.	
85	ĐIỀU 59. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 59.3 59.3 Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi khung Giá dịch vụ nêu trên tùy theo điều kiện thực tế. Tuy nhiên, Giá Dịch vụ Phát hành không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch;	ĐIỀU 59. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ Khoản 59.3 59.3 Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi khung Giá dịch vụ nêu trên tùy theo điều kiện thực tế. Tuy nhiên,	Phù hợp với Điều 34 Khoản 5 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là <u>sau sáu mươi (60) ngày</u> kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các <u>mức giá dịch vụ</u> mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc các hình thức khác theo quy định Pháp luật hiện hành	Giá Dịch vụ Phát hành không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch; Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành	
86	ĐIỀU 60. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ Khoản 60.1, Khoản 60.2, Khoản 60.3 60.1 Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ a. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFCN-CAF. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm trên Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ trong một Năm tài chính. <u>Chi phí Quản lý Quỹ</u> được tính (trích lập) tại các kỳ định giá và thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ hàng tháng. b. Giá Dịch vụ quản lý Quỹ DFCN-CAF là 1,5%*NAV một năm. c. Trường hợp tăng Giá Dịch vụ quản lý Quỹ trên mức 1,5%*NAV/năm phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. d. Chi phí Dịch vụ Quản lý Quỹ trả hàng tháng là tổng chi phí được tính (trích lập) cho các Ngày Định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính (trích lập) <u>chi phí</u> Quản lý Quỹ tại các Ngày Định giá như sau:	ĐIỀU 60. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ Khoản 60.1, Khoản 60.2, Khoản 60.3 60.1 Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ a) Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFCN-CAF. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm trên Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ trong một Năm tài chính. Chi phí Dịch vụ Quản lý Quỹ được tính (trích lập) tại các kỳ định giá và thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ hàng tháng. b) Giá Dịch vụ quản lý Quỹ DFCN-CAF là 1,5%*NAV một năm. c) Trường hợp tăng Giá Dịch vụ quản lý Quỹ trên mức 1,5%*NAV/năm phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. d) Chi phí Dịch vụ Quản lý Quỹ trả hàng tháng là tổng chi phí được tính (trích lập) cho các Ngày	Thay đổi cách sử dụng từ ngữ để phù hợp hơn. Phù hợp với thực tế có thể phát sinh và vẫn đảm bảo quy định pháp luật có liên quan.

	<u>Chi phí Quản lý quỹ cho kỳ định giá</u> = $\frac{\text{Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ (\%) x NAV tại kỳ định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$ 60.2 Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát Chi phí lưu ký tài sản Quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát. a. Giá Dịch vụ Lưu ký là 0,06% NAV/năm, <u>Giá Dịch vụ Lưu ký tối thiểu được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.</u> b. Giá Dịch vụ Giám sát là 0,02% NAV/năm, <u>Giá Dịch vụ Giám sát tối thiểu được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch</u> c. <u>Chi phí Lưu ký, Giám sát trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các Ngày Định giá thực hiện trong tháng</u> d. Công thức tính (trích lập) <u>chi phí Lưu ký, Giám sát</u> tại các Ngày Định giá như sau: $\frac{\text{Chi phí Lưu ký/Giám sát cho kỳ định giá}}{\text{Giá Dịch vụ Lưu ký/Giám sát (\%) x NAV tại kỳ định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá}} = \frac{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$ 60.3 Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ và Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng a. Giá Dịch vụ Quản trị quỹ được trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.	Định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính (trích lập) Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ tại các Ngày Định giá như sau: $\frac{\text{Chi phí Dịch vụ Quản lý Quỹ}}{\text{Giá Dịch vụ quản lý quỹ (\%) x NAV tại kỳ định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá}} = \frac{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$ 60.2 Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát Chi phí lưu ký tài sản Quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát. a) Giá Dịch vụ Lưu ký là 0,06% NAV/năm, tối thiểu 19.000.000 VNĐ/tháng b) Giá Dịch vụ Giám sát là 0,02% NAV/năm, tối thiểu 7.000.000 VNĐ/tháng c) Chi phí Dịch vụ Lưu ký, Giám sát trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các Ngày Định giá thực hiện trong tháng d) Công thức tính (trích lập) Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát tại các Ngày Định giá như sau: $\frac{\text{Chi phí Dịch vụ Lưu ký/Giám sát cho kỳ định giá}}{\text{Giá Dịch vụ Lưu ký/Giám sát (\%) x NAV tại kỳ định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá}} = \frac{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$	
--	---	--	--

➤ Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ là 0,035% NAV/năm. <u>Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ</u> tối thiểu được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch. b. Giá Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ. ➤ Giá Dịch vụ duy trì Nhà đầu tư hàng năm là 0,04% NAV/năm. <u>Giá Dịch vụ duy trì Nhà đầu tư</u> tối thiểu được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch. ➤ Giá Dịch vụ Giao dịch (Mua/bán/chuyển đổi/chuyển nhượng) là 0,03% giá trị giao dịch. c. Công thức tính (trích lập) <u>chi phí Quản trị Quỹ, Đại lý Chuyển nhượng</u> tại các Ngày Định giá như sau: <table border="0"> <tr> <td><u>Chi phí Quản trị Quỹ/Đại lý Chuyển nhượng cho kỳ định giá</u></td><td>=</td><td>$\frac{\text{Giá Dịch vụ tương ứng (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$</td></tr> </table>	<u>Chi phí Quản trị Quỹ/Đại lý Chuyển nhượng cho kỳ định giá</u>	=	$\frac{\text{Giá Dịch vụ tương ứng (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$	60.3 Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ và Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng a. Giá Dịch vụ Quản trị quỹ được trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ ký và Tổ chức cung cấp dịch vụ. ➤ Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ là 0,035% NAV/năm, tối thiểu 11.000.000 VNĐ/tháng. b. Giá Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ ký và Tổ chức cung cấp dịch vụ. ➤ Giá Dịch vụ duy trì Nhà đầu tư hàng năm là 0,04% NAV/năm, tối thiểu 13.000.000 VNĐ/tháng ➤ Giá Dịch vụ Giao dịch (Mua/bán/chuyển đổi) là 0,03% giá trị giao dịch. c. Công thức tính (trích lập) phí Dịch vụ Quản trị Quỹ, Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng tại các Ngày Định giá như sau: <table border="0"> <tr> <td><u>Chi phí Dịch vụ Quản trị Quỹ/Đại lý Chuyển nhượng cho kỳ định giá</u></td><td>=</td><td>$\frac{\text{Giá Dịch vụ tương ứng (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$</td></tr> </table>	<u>Chi phí Dịch vụ Quản trị Quỹ/Đại lý Chuyển nhượng cho kỳ định giá</u>	=	$\frac{\text{Giá Dịch vụ tương ứng (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$	
<u>Chi phí Quản trị Quỹ/Đại lý Chuyển nhượng cho kỳ định giá</u>	=	$\frac{\text{Giá Dịch vụ tương ứng (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$						
<u>Chi phí Dịch vụ Quản trị Quỹ/Đại lý Chuyển nhượng cho kỳ định giá</u>	=	$\frac{\text{Giá Dịch vụ tương ứng (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$						

87	ĐIỀU 60. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ Khoản 60.5 60.5 Các chi phí hoạt động khác của Quỹ, bao gồm: a) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán. b) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác. c) Thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ. d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ. Đối với dịch vụ gửi thư cho Nhà đầu tư bằng đường bưu điện: 100.000 VNĐ/Nhà đầu tư/mỗi lần gửi thư. e) Chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ. f) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ. g) <u>Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.</u> h) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của Pháp luật.	ĐIỀU 60. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ Khoản 60.5 60.5 Các chi phí hoạt động khác của Quỹ, bao gồm: a) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán. b) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác. c) Thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ. d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ. Đối với dịch vụ gửi thư cho Nhà đầu tư bằng đường bưu điện: 100.000 VNĐ/Nhà đầu tư/mỗi lần gửi thư. e) Chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ. f) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ. g) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.	Phù hợp với quy định tại Điều 37 Khoản 3 và Điều 8 Thông tư 98/2020/TT-BTC
88	ĐIỀU 62. CÁC ĐIỀU KIỆN CHIA, TÁCH QUỸ 62.1 Việc <u>chia</u> , tách Quỹ phải được thực hiện phù hợp với Pháp luật và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. 62.2 Việc <u>chia</u> , tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.	ĐIỀU 62. CÁC ĐIỀU KIỆN TÁCH QUỸ 62.1 Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận 62.2 Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.	Phù hợp với Điều 38 Thông tư 98/2020/TT-BTC
89	ĐIỀU 63. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ Khoản 63.1	ĐIỀU 63. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ Khoản 63.1	Thông tư 98/2020/TT-BTC đã bỏ nội dung này (tham khảo

	63.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây: <i>Bỏ quy định tại điểm d</i>	63.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây: d. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng	Điều 20 Khoản 11 Thông tư 98/2020/TT-BTC)
90	ĐIỀU 65. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 65.3 65.3 Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, bán niên, hàng năm, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sẽ được cập nhật, cung cấp cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh <u>phù hợp với quy định của Pháp luật</u> .	ĐIỀU 65. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ Khoản 65.3 65.3 Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, bán niên, hàng năm, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sẽ được cập nhật, cung cấp cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ và hệ thống Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh.	Thể hiện phù hợp và rõ nghĩa hơn
91	ĐIỀU 66. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ Khoản 66.1 66.1 Điều lệ Quỹ này chỉ được sửa đổi bổ sung khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định Pháp luật hiện hành.	ĐIỀU 66. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ Khoản 66.1 66.1 Điều lệ Quỹ này chỉ được sửa đổi bổ sung khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư: a) Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý; b) Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ Quỹ	Phù hợp với quy định tại Điều 4 Khoản 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC
92	<i>Bổ sung Điều mới sau đây</i>	<i>Không có quy định</i>	Phù hợp với Điều lệ mẫu Phụ lục I Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 27

¹ĐIỀU 20. GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THUA LỖ CỦA QUỸ

Giá trị Chứng chỉ Quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Trong trường hợp, Giá trị Tài sản Ròng giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.

Tài liệu đính kèm: Điều lệ dự thảo của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI
LIFE VIỆT NAM**



TRẦN CHÂU DANH
Tổng Giám đốc

¹ Từ Điều 20 đến Điều 68 trong Điều lệ Quỹ cũ sẽ thay đổi tương ứng thành Điều 21 đến Điều 69 trong Điều lệ Quỹ mới